

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-ST

Ngày: 12-9-2020

V/v: “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh  
toán theo hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bình
2. Ông Bùi Văn Huynh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Quỳnh Nương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2018 về “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2020, Thông báo chuyển ngày xét xử số 117/TB-TA ngày 15-8-2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 75 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại Cổ phần Q.

Địa chỉ: tầng 6, Tòa nhà Cosnestone, số 16 đường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại Cổ phần (TMCP) Q là người đại diện theo pháp luật; Bà Trần Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc trung tâm quản lý nợ khách hàng cá nhân, khối quản trị rủi ro của Ngân hàng TMCP Q, là người đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 3.0141.17 ngày 16-07-2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Q;

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Tiến L, theo văn bản ủy quyền lại số 390/UQ-BIDV.QN ngày 01-3-2018.

Địa chỉ: Số 125 đường Điện Biên Phủ, quận T, Thành phố Đ.

*Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Hồng K; địa chỉ: Tổ dân phố 1 (tổ 2 cũ), phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị L; địa chỉ: Số 63 đường Võ Thị Sáu, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;.

Bà Huỳnh Thị L ủy quyền cho ông Phan Văn V, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Văn Hà, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, theo hợp đồng ủy quyền ngày 13-11-2018. Ông V vắng mặt.

2. Bà Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1975.

3. Ông Nguyễn Xuân V.

4. Cháu Nguyễn Xuân Tr, sinh ngày 30-10-2003.

5. Cháu Nguyễn Thị Ngọc O, sinh ngày 08-7-2007.

Cùng địa chỉ: Số 63 đường Võ Thị Sáu, phường C Lộ, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Xuân T và cháu Nguyễn Thị Ngọc O là ông Nguyễn Xuân V, bà Võ Thị Ngọc T (là cha mẹ đẻ của cháu T, cháu O). Ông V, bà T vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Theo đề nghị của bà Huỳnh Thị Hồng K, ngày 26-4-2010 giữa Ngân hàng và bà Huỳnh Thị Hồng K có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 0107/HĐTD1-VIB413/09, bà K vay vốn với số tiền gốc 500.000.000 đồng, mục đích vay: góp vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất vay 15,8%/năm và thay đổi theo quy định của hợp đồng, phương thức trả nợ: nợ gốc trả một lần vào cuối kỳ, nợ lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Trong thời hạn vay 12 tháng từ ngày 27/04/2010 đến ngày 27/04/2011 VIB đã có 03 lần thay đổi lãi suất cho vay trong hạn, cụ thể:

Lần 1: ngày 27/07/2010, VIB đã thay đổi lãi suất vay từ 15.8 %/năm thành 15.6%/năm theo Quyết định số 2213/2010/QĐ - VIB ngày 09/07/2010 về việc ban hành Lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh.

Lần 2: ngày 27/01/2011, VIB đã thay đổi lãi suất vay từ 15.6 %/năm thành 17.3 %/năm theo Quyết định số 4539/2011/QĐ - VIB ngày 22/12/2010 về việc ban hành Lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh.

Lần 3: ngày 27/04/2011, VIB đã thay đổi lãi suất vay từ 17.3 %/năm thành 21.8%/năm theo Quyết định số 1116/2011/QĐ - VIB ngày 31/03/2011 về việc ban hành Lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh.

Theo Khế ước nhận nợ số 0107.01/KUNNI-VIB413/10 ngày 27/04/2010 thì ngày 27/04/2011 là ngày hết thời hạn cho vay, ngày cuối cùng của khoản vay trong hạn là ngày 27/04/2011. Sau ngày 27/04/2011, Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ của bên vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất vay, do đó Ngân hàng áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất vay tại thời điểm khoản vay chuyển quá hạn toàn bộ (tức là  $150\% \times 21.8\%$  /năm) từ ngày 28/04/2011 đến nay.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2422, tờ bản đồ số 01, diện tích 139,5m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: Số 63 Võ Thị Sáu, tổ 3 (tổ 8 cũ) phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 952508, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận H00424 do Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 28-11-2005 cho ông Võ Thành Q (đã chết) và bà Huỳnh Thị L. Tài sản thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0106/HDDTC-VIB413/10 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Ngãi ngày 26-4-2010 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Q ngày 26-4-2010

- Buộc bà Huỳnh Thị Hồng K phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 12-8-2019 là 1.907.008.333 đồng, trong đó nợ gốc: 500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 7.925.750 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.905.875.124 đồng và yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng K phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ. Bà K đã trả được tiền lãi cho Ngân hàng 73.535.360 đồng.

- Trường hợp bà Huỳnh Thị Hồng K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0106/HDDTC1-VIB431/10 ngày 26-4-2010 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ 3 (tổ 8 cũ), phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 952508, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H00424 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp cho ông Võ Thành Quy, bà Huỳnh Thị L ngày 28-11-2005.

- Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Huỳnh Thị Hồng K phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ngày bà bà Huỳnh Thị L có đơn đề nghị với Ngân hàng bà L cho nộp 1.000.000.000 đồng; trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi 500.000.000 đồng để trả nợ cho khoản vay của bà Huỳnh Thị Hồng K và đề nghị nguyên đơn cho rút tài sản thế chấp, cho bà Huỳnh Thị L nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xóa thế chấp. Ngân hàng có văn bản đồng ý với đề nghị nêu trên của

bà Huỳnh Thị L. Ngày 21-10-2019, bà Huỳnh Thị L nộp cho Ngân hàng 1.000.0000.000 đồng và Ngân hàng đã cho bà L nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số thửa đất số 2422, nêu trên. Hiện nay, bà K còn nợ Ngân hàng tiền nợ lãi quá hạn 907.008.333 đồng.

Ngày 24-10-2019 và tại phiên tòa, Ngân hàng có xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), lãi và lãi quá hạn 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Tổng cộng: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

- Rút và không yêu cầu Tòa án xử lý đối với tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0106/HDDTC-VIB413/10 ngày 26-4-2010 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Ngãi, tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số thửa đất số 2422, tờ bản đồ số 01, diện tích 139,5m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất tại tổ 3 (tổ 8 cũ), phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 952508, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00424 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp ngày 28-11-2005 cho ông Võ Thành Q, bà Huỳnh Thị L.

- Rút phần yêu cầu: Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay với Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản vay thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết: Buộc bà Huỳnh Thị Hồng K phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi quá hạn còn lại tính đến ngày 12-9-2020 là 907.008.333 đồng. Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm thi hành án.

*Ý kiến đề nghị, lập luận của bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng K trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa:* Bị đơn Bà Huỳnh Thị Hồng K không có văn bản trình bày và vắng mặt 02 lần tại phiên tòa, vì bị đơn cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng có liên quan theo quy định của pháp luật để bị đơn biết nhưng bị đơn không có văn bản phản hồi ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng và thủ tục tố tụng của Tòa án.

*Ý kiến đề nghị, lập luận của người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị L là ông Phan Văn V:* bà Huỳnh Thị L, ông Phan Văn V không có văn bản trình bày và vắng mặt 02 lần tại phiên tòa.

*Ý kiến đề nghị, lập luận của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân V, bà Võ Thị Ngọc T:* Ông Nguyễn Xuân V, bà Võ Thị Ngọc T không có văn bản trình bày và vắng mặt 02 lần tại phiên tòa.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư

ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ lãi quá hạn: 907.008.333 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc hông yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm thi hành án. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng thương mại Cổ phần Q khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng K thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký kết. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay của bị đơn ở Tổ dân phố 1 (tổ 2 cũ), phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý giải quyết vụ án *“Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng”* theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về xét xử vắng mặt: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo quyền quyền của bà Huỳnh Thị L vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), lãi và lãi quá hạn 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Tổng cộng: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

- Rút và không yêu cầu Tòa án xử lý đối với tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0106/HDDTC-VIB413/10 ngày 26-4-2010 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Ngãi, tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ 3 (tổ 8 cũ), phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số AD 952508, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H00424 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp ngày 28-11-2005 cho ông Võ Thành Q, bà Huỳnh Thị L.

- Rút phần yêu cầu: Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay với Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản vay thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Bị đơn vắng mặt tại trụ sở, không rõ địa chỉ trụ sở mới nên Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng trong thời hạn luật định. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[2.2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng K phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi quá hạn là 907.008.333 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:*

[2.2.1] Xét, khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0107/HĐTD-VIB413/09 ngày 26-4-2010 giữa Ngân hàng và bà Huỳnh Thị Hồng K: Căn cứ đề nghị của bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng K, Ngân hàng đã cho bà K vay số tiền gốc 500.000.000 đồng. Thực hiện theo hợp đồng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn thể hiện tại Khế ước nhận nợ ngày 27-4-2010, mục đích vay: góp vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất vay 15,8%/năm và thay đổi theo quy định của hợp đồng, hình thức giải ngân: Tiền mặt, phương thức trả nợ: nợ gốc trả một lần vào cuối kỳ, nợ lãi trả vào ngày 25 hàng tháng, biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp. Trong thời gian vay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, nhiều lần nguyên đơn nhắc nhở, đôn đốc nhưng bị đơn vẫn không trả nợ đúng hạn cho nguyên đơn. Bà Huỳnh Thị Hồng K đã thanh toán cho VIB là số tiền lãi trong hạn 73.535.360 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L đã nộp cho Ngân hàng 1.000.000.000 đồng; trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi 500.000.000 đồng để trả nợ cho khoản vay của bà Huỳnh Thị Hồng K và Ngân hàng đã cho bà Huỳnh Thị L nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xóa thế chấp đối với thửa đất số thửa đất số 2422, tờ bản đồ số 01, diện tích 139,5m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: Số 63 đường Võ Thị Sáu, tổ 3 (tổ 8 cũ) phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi mà bà L, ông Q đảm bảo cho khoản vay của bà K.

[2.2.2] Trong thời hạn vay 12 tháng từ ngày 27/04/2010 đến ngày 27/04/2011 Ngân hàng đã có 03 lần thay đổi lãi suất cho vay, cụ thể:

Lần 1: ngày 27/07/2010, Ngân hàng đã thay đổi lãi suất vay từ 15.8 %/năm thành 15.6%/năm theo Quyết định số 2213/2010/QĐ-VIB ngày 09/07/2010 về việc ban hành Lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh.

Lần 2: ngày 27/01/2011, Ngân hàng đã thay đổi lãi suất vay từ 15.6 %/năm thành 17.3 %/năm theo Quyết định số 4539/2011/QĐ-VIB ngày 22/12/2010 về việc ban hành Lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh.

Lần 3: ngày 27/04/2011, Ngân hàng đã thay đổi lãi suất vay từ 17.3 %/năm thành 21.8%/năm theo Quyết định số 1116/2011/QĐ-VIB ngày 31/03/2011 về việc ban hành Lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh.

Tại khoản 3 Điều 1 Hợp đồng tín dụng số 0107/HĐTD1-VIB413/09 ngày 26/04/2010 quy định: *“Lãi suất cho vay bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh 06 tháng của VIB + 3.8 %, 03 tháng thay đổi một lần. Lãi suất cho vay thay đổi theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật”*. Như vậy, việc Ngân hàng thay đổi lãi suất đối với khoản vay của bà K là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng.

[2.2.3] Theo quy định tại Điều 11 (Lãi suất cho vay) của Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và theo thỏa thuận tại khoản 2 và khoản 5 Điều 4 Hợp đồng tín dụng ngày 26-4-2010 hai bên đã ký kết thì có căn cứ xác định: lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất vay trong hạn được tính tại thời điểm chuyển sang nợ quá hạn.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN có quy định: *“Đối với khoản nợ vay không trả nợ đúng hạn, được tổ chức tín dụng đánh giá là không có khả năng trả nợ đúng hạn và không chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng đó là nợ quá hạn và tổ chức tín dụng thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ; việc phạt chậm trả đối với nợ quá hạn và nợ lãi vốn vay do hai bên thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật”*.

Tại phần 1.3 mục 1 Văn bản số 1335/NHNN - CNTT ngày 22/02/2010 của hôn nhân Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về việc phạt chậm trả đối với trường hợp nợ quá hạn thì *“Các tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001; theo đó, mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và chứng thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150 % lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay”*.

[2.2.4] Tại khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 0107/HĐTD1-VIB413/09 ngày 26/04/2010 quy định: *“Nếu bên vay không trả nợ đúng hạn và không đương VIB đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì phải thanh toán ngay toàn bộ số nợ còn lại theo lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất vay”*. Như vậy, việc nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi

suất vay là phù hợp với quy định của pháp luật. Mặc khác, giữa nguyên đơn và bị đơn, không có thỏa thuận nào khác về tính lãi, lãi suất vay, lãi suất nợ quá hạn nên ngày cuối cùng của khoản vay trong hạn là ngày 27/04/2011. Sau ngày 27/04/2011 là hết thời hạn cho vay, nguyên đơn chuyển toàn bộ dư nợ của Bên vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% là có căn cứ.

Theo Quyết định số 1116/ 2011/QĐ-VIB ngày 31/03/2011 về việc ban hành Lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh, 03 tháng thay đổi một lần, mức lãi suất điều chuyển vốn là 18%/năm nên áp dụng mức lãi suất điều chuyển vốn 18%/năm (lãi suất điều chỉnh) + 3,8% theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0107/HĐTD1 - VIB413/09 ngày 26/04/2010 = 21.8% kể từ ngày 27/04/2011, sau ngày 27/04/2011 là hết thời hạn cho vay, khoản vay chuyển quá hạn toàn bộ kể từ thời điểm hết thời hạn hợp đồng tín dụng, do đó Ngân hàng áp dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất vay tại thời điểm khoản vay chuyển quá hạn toàn bộ (tức là 150% x 21.8 %/năm) từ ngày 28/04/2011 đến nay là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tính đến ngày 12-9-2020, bà Huỳnh Thị Hồng K còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ lãi quá hạn số tiền là 907.008.333 đồng. Từ những phân tích và nhận định trên, buộc bà Huỳnh Thị Hồng K phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ quá hạn là 907.008.333 đồng.

[2.2.5] Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm thi hành án. Hội đồng xét xử, xét thấy ý kiến của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), nguyên đơn đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng và đã chi phí xong.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bị đơn phải trả cho Ngân hàng.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Q không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các điều 144, 147, 157, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, 466, 468, 470, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;



Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Q.

- Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng K phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Q số tiền nợ lãi quá hạn còn lại tính đến ngày 12-9-2020 là 907.008.333 đồng (chín trăm lẻ bảy triệu, không trăm linh tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Q về việc không yêu cầu tính lãi chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu:

- Bà Huỳnh Thị Hồng K phải trả số tiền gốc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), lãi và lãi quá hạn 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Tổng cộng: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

- Xử lý đối với tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0106/HDDTC-VIB413/10 ngày 26-4-2010 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Quảng Ngãi, tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tổ 8, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 952508, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H00424 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp ngày 28-11-2005 cho ông Võ Thành Q, bà Huỳnh Thị L.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay với Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản vay thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Q.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận sự tự nguyện đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Q tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), Ngân hàng đã nộp và chi phí xong.

6. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị Hồng K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 39.210.000 đồng (ba mươi chín triệu, hai trăm mười nghìn đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 31.944.500 đồng (ba mươi một triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003610 ngày 04-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bình    Bùi Văn Huynh**

**Lê Thị Kim Loan**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Kim Loan**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Phong**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**